TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-3-2025.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Tùng
Ông Trần Hữu Chí

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Sỉ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim C, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: 1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1986.
Địa chỉ: 1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Chị C và anh D2 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Kim C trình bày:

Chị và anh Lê Văn D có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có được 02 con chung là Lê Văn D1, sinh ngày 31/10/2009 và Lê Quốc V, sinh ngày 20/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình hai bên không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được được ly hôn với anh Lê Văn D.

Về con chung: Chị đồng ý để 02 con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 23/12/2024 chị Nguyễn Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng anh Lê Văn D trình bày:

Anh thừa nhận có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Kim C vào ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có được 02 con chung là Lê Văn D1, sinh ngày 31/10/2009 và Lê Quốc V, sinh ngày 20/3/2015. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý.

Về con chung: Tùy theo ý kiến, nguyện vọng của con chung, trường hợp các con có nguyện vọng sống chung với anh thì anh yêu cầu chị C cấp dưỡng 2.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 23/12/2024 anh Lê Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C. Về hôn nhân chị C được ly hôn với anh D, về con chung sẽ do anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về mối quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà A ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, chị C, anh D đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

2. Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kim C và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 31/12/2008. Vì vậy, hôn nhân của chị C và anh D được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị C cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm nên mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh D không đồng ý ly hôn với chị C. Tòa án tiến hành hòa giải để

chị C và anh D nhằm hàn gắn nhằm tình cảm vợ chồng của anh chị để được đoàn tụ. Tuy nhiên, chị C vẫn cương quyết ly hôn và anh D2 cũng không mong muốn hàn gắn đoàn tụ hoặc có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị C. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp.

2.2 Về con chung: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của con chung, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân thì hiện tại 02 con chung của chị C và anh D có nguyện vọng sống chung với anh D2 và cũng phù hợp với yêu cầu của chị C. Do đó, tiếp tục giao 02 con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh D yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu đến khi con chung tròn 18 tuổi nhưng chị C không đồng ý.

Do các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ vào mức thu nhập và khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cũng như nhu cầu thiết yếu của con chung chưa thành niên nhưng không thấp hơn một nữa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với con chung. Mức lương tối thiểu vùng tại nơi làm việc của chị C hiện nay là 4.420.000 đồng/tháng. Anh D yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng là vượt quá mức lương tối thiểu vùng nơi chị C làm việc. Do đó, căn cứ vào Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 cần buộc chị Nguyễn Kim C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.170.000 đồng/tháng/cháu đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp.

2.3 Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kim C đối với anh Lê Văn D2.

Cụ thể tuyên:

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kim C được ly hôn với anh Lê Văn D. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn do chị C, anh D2 không có yêu cầu.

1.2 Về con chung: Chị C và anh D có 02 con chung là Lê Văn D1, sinh ngày 31/10/2009 và Lê Quốc V, sinh ngày 20/3/2015. Sau khi ly hôn, 02 con chung sẽ do

anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.170.000 đồng/tháng/cháu đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị C, anh D có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4 Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, chị Nguyễn Kim C có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu số 0005994 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, chị Nguyễn Kim C có nghĩa vụ nộp.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí